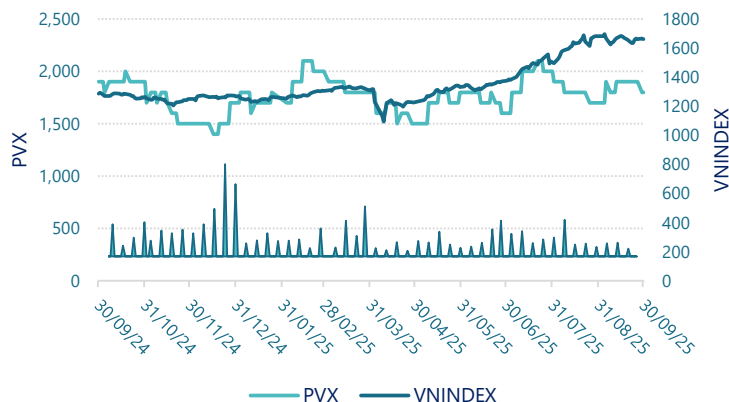


Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (UPCOM: PVX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,400
SL cổ phiếu LH	399,997,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	400,990
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	720
P/E	13.6
EPS	132

DT thuần

Q3/25

466

tỷ VNĐ

QoQ: ▼60.0| -11.5%

YoY: ▲ 168| 56.2%

LN sau thuế

Q3/25

-21.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.5| -114%

YoY: ▼6.00| -38.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-3.0%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

9T 2025

1,298

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 521| 67.1%

LN sau thuế

9T 2025

-29.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.2| 66.5%

ROE

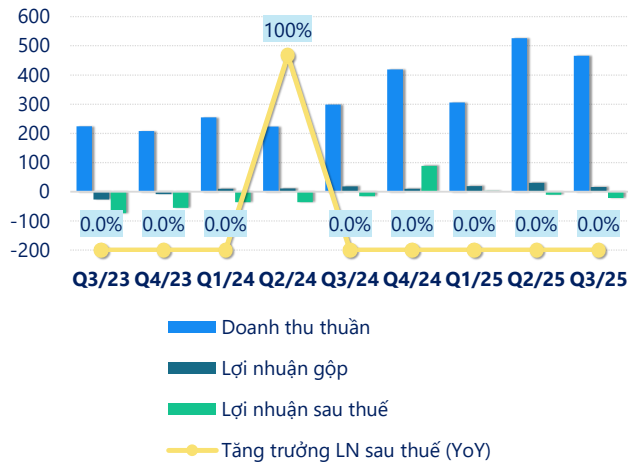
Q3/25

11.5%

+/- YoY: ▲ 34.0%

tỷ VNĐ

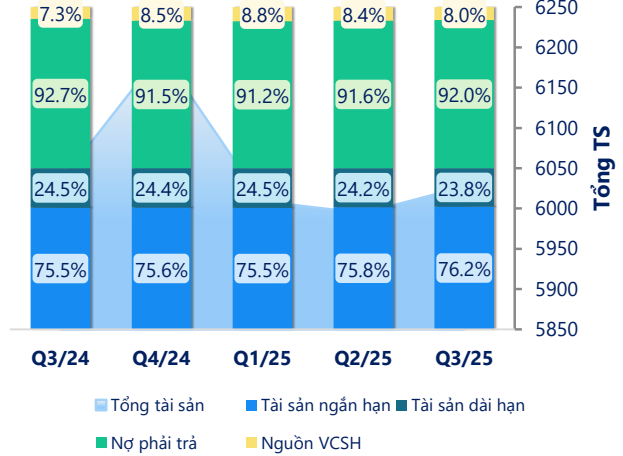
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

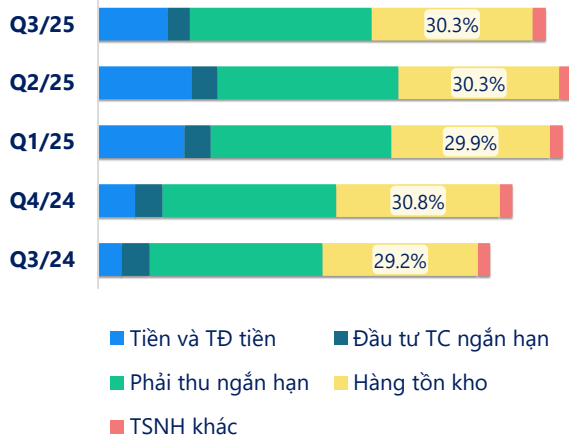
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



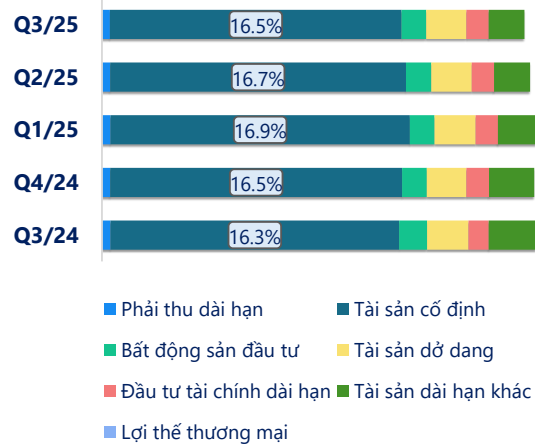
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

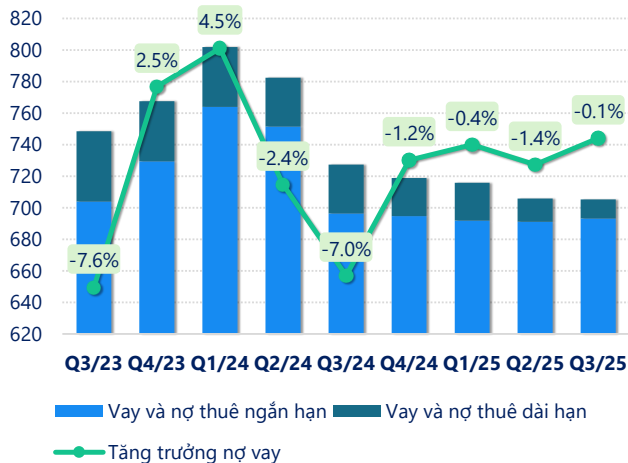
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

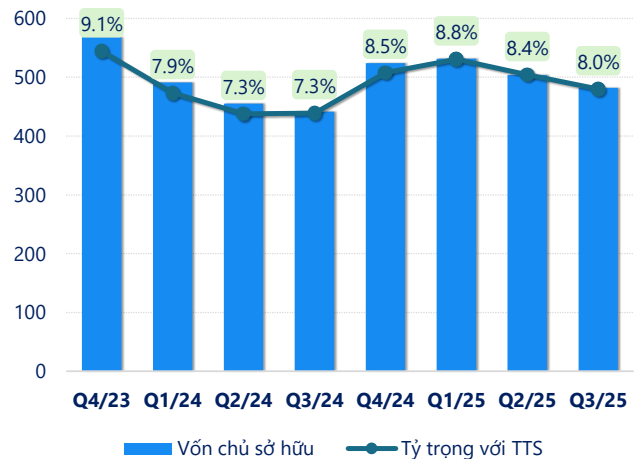
Nợ vay



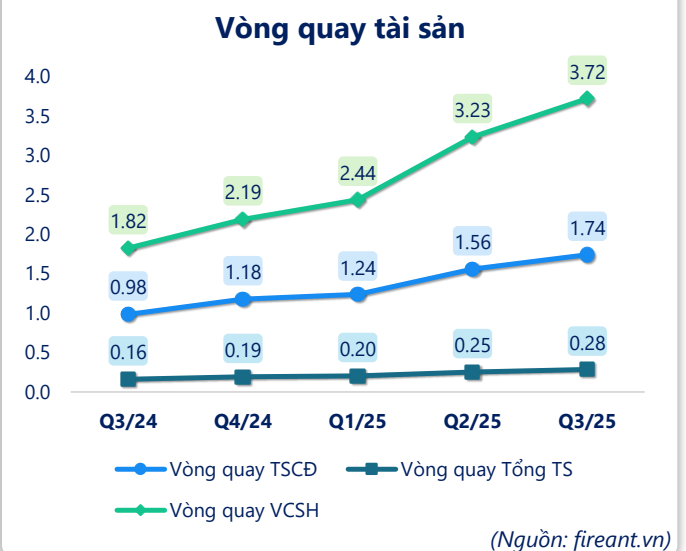
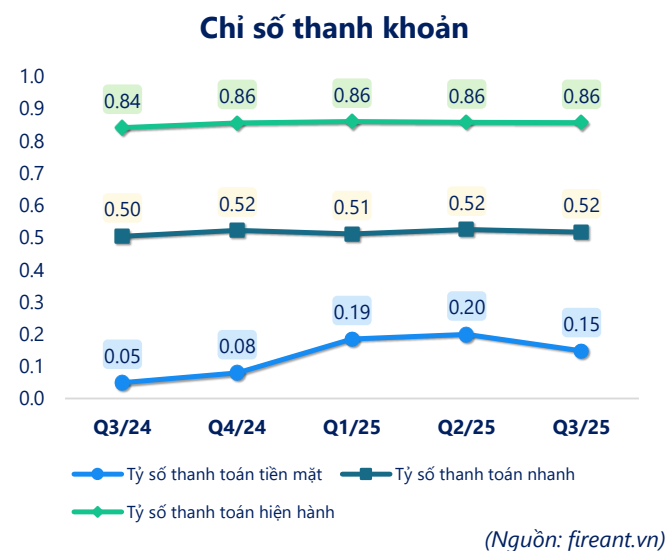
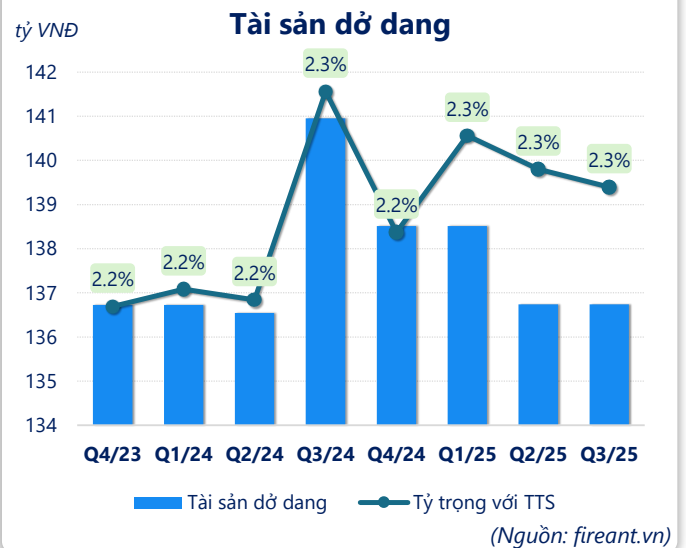
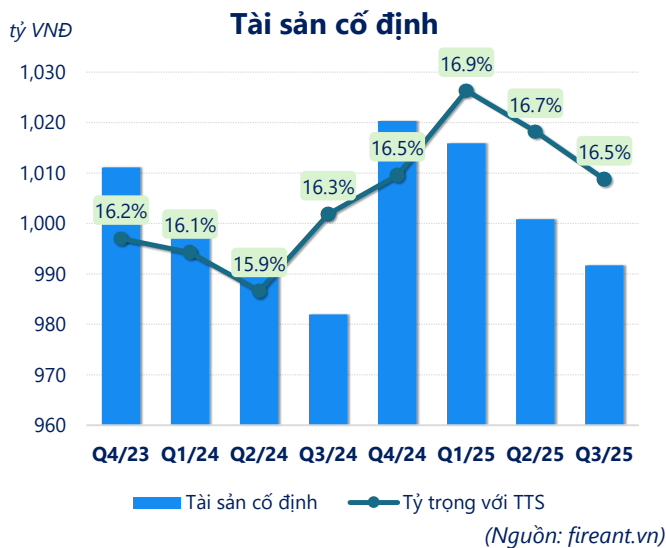
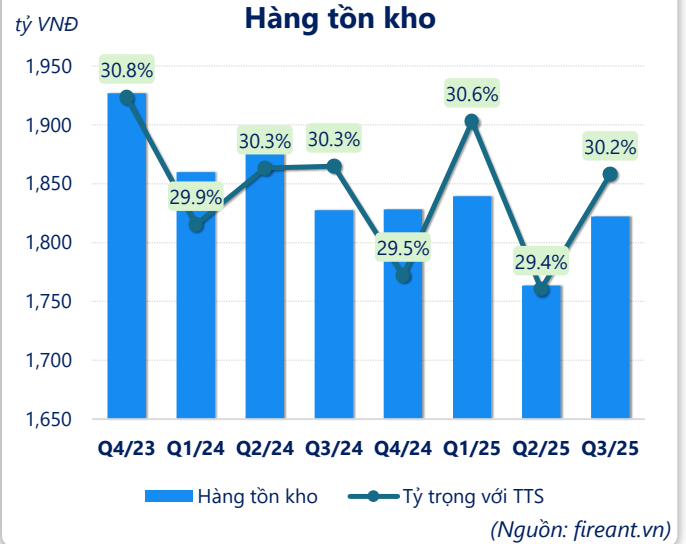
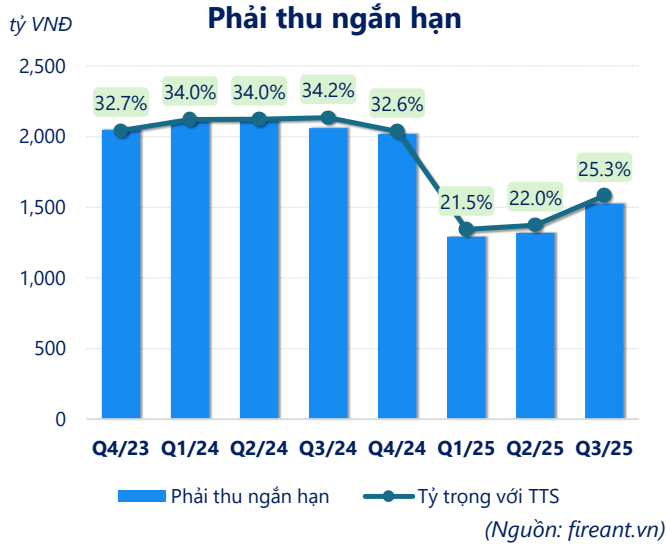
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	6,033	6,193	6,009	5,994	6,027
Tài sản ngắn hạn	4,555	4,682	4,535	4,546	4,591
Tiền và tương đương tiền	267	432	976	1,055	792
Đầu tư tài chính ngắn hạn	251	256	277	270	315
Phải thu ngắn hạn	2,061	2,018	1,292	1,318	1,526
Hàng tồn kho	1,827	1,828	1,839	1,764	1,822
Tài sản ngắn hạn khác	149	148	151	140	136
Tài sản dài hạn	1,478	1,511	1,474	1,448	1,436
Phải thu dài hạn	29.3	28.7	28.4	27.7	27.3
Tài sản cố định	982	1,020	1,016	1,001	992
Bất động sản đầu tư	95.1	85.5	83.7	85.0	83.8
Tài sản dở dang	141	139	139	137	137
Đầu tư tài chính dài hạn	68.8	78.9	76.1	75.8	75.8
Tài sản dài hạn khác	162	159	131	122	121
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,592	5,669	5,478	5,491	5,545
Nợ ngắn hạn	5,415	5,470	5,274	5,303	5,360
Vay và nợ thuê ngắn hạn	696	695	692	691	693
Phải trả người bán ngắn hạn	3,292	3,325	3,164	3,210	3,064
Nợ dài hạn	176	199	204	188	185
Vay và nợ thuê dài hạn	31.0	24.0	24.0	14.6	12.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	442	524	531	504	482
Vốn chủ sở hữu	442	524	531	504	482
Vốn điều lệ	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)